

**UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN**  
**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN**

**PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA**  
**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CẤP NƯỚC**  
**ĐIỆN BIÊN**

*Điện Biên, tháng 3 năm 2015*

## MỤC LỤC

PHẦN I .....	4
CÁC KHÁI NIỆM.....	4
PHẦN II.....	5
THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP.....	5
I. Giới thiệu chung về Doanh nghiệp.....	5
1. Tên Doanh nghiệp.....	5
2. Trụ sở chính.....	5
3. Ngành nghề kinh doanh.....	5
4. Vốn điều lệ.....	5
5. Chủ sở hữu Công ty.....	5
6. Tư cách pháp nhân.....	5
7. Phạm vi hoạt động.....	5
8. Tổ chức Đảng, Đoàn thể.....	6
II. Quá trình hình thành và phát triển.....	6
1. Quá trình hình thành.....	6
2. Về đầu tư phát triển hệ thống cấp nước.....	7
3. Cơ cấu tổ chức và quản lý lao động.....	8
4. Tài sản chủ yếu của Doanh nghiệp.....	9
5. Tình hình hoạt động của Doanh nghiệp 3 năm trước khi cổ phần hóa..	10
6. Triển vọng phát triển của ngành.....	15
PHẦN III.....	16
KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN TIẾP TỤC XỬ LÝ .....	16
I. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp.....	16
1. Giá trị thực tế doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2013.....	16
2. Giá trị phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thời điểm 31/12/2013.....	16
3. Tài sản đã hết khấu hao không cần dùng.....	16
4. Giá trị vật tư theo dõi ngoài bảng cân đối.....	16
II. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý.....	17
1. Tiến hành bàn giao cho công ty mua bán nợ tài sản không cần dùng...17	
2. Phân giá trị các công trình chưa đưa vào xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa thời điểm 31/12/2013.....	17
PHẦN IV .....	19
PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA.....	19
I. Căn cứ xây dựng phương án.....	19
II. Mục tiêu cổ phần hóa.....	20
III. Hình thức cổ phần hóa.....	20
IV. Quy mô cơ cấu vốn điều lệ và giá khởi điểm.....	21

1. Quy mô vốn điều lệ.....	21
2. Cơ cấu vốn điều lệ.....	21
3. Giá khởi điểm phát hành cổ phần .....	25
4. Phương thức phát hành cổ phần.....	25
5. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa.....	25
V. Phương án sắp xếp lao động.....	26
1. Danh sách toàn bộ số lao động của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp .....	26
2. Danh sách lao động nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp.....	27
3. Danh sách lao động nghỉ chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần.....	27
4. Về chính sách đối với người lao động .....	27
PHẦN V.....	28
PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NHỮNG NĂM TIẾP THEO SAU CỔ PHẦN HÓA .....	28
I. Tên, trụ sở, vốn điều lệ, hình thức hoạt động, ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp sau khi chuyển thành cổ phần hóa .....	28
1. Tên Công ty .....	28
2. Địa chỉ trụ sở chính .....	28
3. Hình thức hoạt động .....	28
4. Vốn điều lệ .....	28
5. Ngành nghề kinh doanh .....	28
II. Phương án hoạt động sản xuất kinh doanh 3 năm sau cổ phần .....	29
1. Thuận lợi .....	29
2. Khó khăn .....	30
3. Mục tiêu phát triển .....	30
4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 3 năm sau cổ phần .....	31
5. Một số giải pháp chủ yếu .....	32
IV. Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần .....	39
V. Các đề xuất kiến nghị .....	39
PHẦN VI .....	39
TỔ CHỨC THỰC HIỆN .....	39

## PHẦN I CÁC KHÁI NIỆM

1. “Công ty” là Công ty TNHH Xây dựng cấp nước Điện Biên (trước khi cổ phần hóa) và là Công ty cổ phần cấp nước Điện Biên (sau khi cổ phần hóa)..

2. “Cổ phần” là vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.

3. “Cổ phiếu” là chứng chỉ do công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu 1 hoặc 1 số cổ phần của công ty.

4. “Cổ đông” là tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần đã phát hành của công ty.

5. “Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính.

6. “Vốn điều lệ” là vốn do các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ công ty

7. Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Phương án cổ phần hóa này có nội dung như sau:

ĐHĐCĐ:	Đại hội đồng cổ đông
HDQT:	Hội đồng quản trị
BKS:	Ban kiểm soát
GD:	Giám đốc
KTT:	Kế toán trưởng
CBCNV:	Cán bộ công nhân viên
HĐLĐ:	Hợp đồng lao động
TSCĐ:	Tài sản cố định
TSLĐ:	Tài sản lưu động
SGDCK:	Sở Giao dịch Chứng khoán
UBND:	Ủy Ban Nhân Dân
BHXH:	Bảo hiểm xã hội
CP:	Cổ phần
CPH:	Cổ phần hóa
DN:	Doanh nghiệp
DNNN:	Doanh nghiệp Nhà nước
TNHH:	Trách nhiệm hữu hạn
MTV :	Một thành viên
NM:	Nhà máy
HĐKD:	Hoạt động kinh doanh
CNKT:	Công nhân kỹ thuật

## PHẦN II

### THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP

#### **I. Giới thiệu về Doanh nghiệp**

##### **1. Tên doanh nghiệp:**

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

**2. Trụ sở chính:** Tổ dân phố 1 - Phường Him Lam - Thành phố Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên.

Điện thoại: 0230 3810198

Fax: 0230 3812333

Mã số doanh nghiệp: 5600100728

Do: Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Điện Biên

Cấp lần đầu ngày: 24/6/2009

Cấp thay đổi lần thứ 01 ngày: 07/11/2014

##### **3. Ngành, nghề kinh doanh:**

- Sản xuất và cung cấp nước sạch phục vụ nhu cầu dân sinh và các ngành kinh tế khác;

- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi vừa và nhỏ; Xây lắp đường dây và trạm biến áp từ 0,4 đến 35 kv; Kinh doanh vật tư chuyên ngành nước.

**4. Vốn điều lệ:** 56.084.094.827 đồng (Năm mươi sáu tỷ không trăm tám mươi bốn triệu không trăm chín mươi bốn nghìn tám trăm hai mươi bảy đồng)

##### **5. Chủ sở hữu Công ty:** Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên

Địa chỉ: Số nhà 851 - Tổ dân phố 20 - Phường Mường Thanh - Thành phố Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên.

**6. Tư cách pháp nhân:** Công ty TNHH Xây dựng cấp nước Điện Biên là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn Nhà nước có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật.

**7. Phạm hoạt động:** Hiện tại, Công ty có nhiệm vụ cung cấp nước sạch mạng cấp I, cấp II và toàn bộ mạng cấp III trên địa bàn Thành phố Điện Biên Phủ và 8 huyện, thị khác của tỉnh Điện Biên (Bao gồm: Thị xã Mường Lay, Huyện Điện Biên, Huyện Điện Biên Đông, Huyện Mường Ảng, Huyện Mường Chà,

Huyện Tủa Chùa, Huyện Mường Nhé và từ ngày 31/12/2014 Công ty mới được bàn giao thêm Nhà máy nước huyện Tuần Giáo) với tính chất phục vụ là chủ yếu.

### **8. Tổ chức Đảng, đoàn thể:**

- Tổ chức Đảng: Đảng ủy Công ty TNHH Xây dựng cấp nước Điện Biên trực thuộc Đảng bộ Thành phố Điện Biên Phủ; gồm 04 Chi bộ trực thuộc, 38 đảng viên.

- Công đoàn Công ty trực thuộc Liên đoàn lao động Thành phố Điện Biên Phủ; gồm 08 công đoàn bộ phận và tổ Công đoàn trực thuộc; 164 Đoàn viên Công đoàn.

- Đoàn thanh niên Công ty trực thuộc Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Thành phố Điện Biên Phủ; gồm 40 Đoàn viên thanh niên.

- Hội cựu chiến binh trực thuộc Hội Cựu chiến binh Thành phố Điện Biên Phủ gồm 22 hội viên.

## **II. Quá trình hình thành và phát triển**

**1. Quá trình hình thành:** Tiền thân của Công ty Xây dựng cấp nước Điện Biên là Xí nghiệp Xây dựng quản lý cấp phát nước tỉnh Lai Châu, được thành lập theo Quyết định số 27/QĐ-UB ngày 31/3/1993 của UBND tỉnh Lai Châu (nay là tỉnh Điện Biên), đến ngày 26/4/1995 doanh nghiệp được đổi tên thành Công ty Xây dựng cấp phát nước Lai Châu theo Quyết định số 167/QĐ-UB của UBND tỉnh Lai Châu

Thực hiện Quyết định số 56/2003/QĐ-TTg ngày 15/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới DNNN tỉnh Lai Châu đến năm 2005; Công ty được chuyển thành DNNN hoạt động công ích với tên gọi là Công ty Xây dựng cấp nước Lai Châu theo Quyết định 2320/QĐ-UB ngày 17/12/2003 của UBND tỉnh Lai Châu; đến 31/01/2004 doanh nghiệp được đổi tên thành Công ty Xây dựng cấp nước Điện Biên theo Quyết định 93/QĐ-UB của UBND lâm thời tỉnh Điện Biên về việc đổi tên và địa chỉ trụ sở giao dịch cho các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc UBND tỉnh Điện Biên quản lý.

Thực hiện chủ trương sắp xếp DNNN, đồng thời để phù hợp với cơ chế thị trường, ngày 02/4/2009 tại Quyết định số 466/QĐ-UBND Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên đã phê duyệt Phương án và chuyển DNNN hoạt động công ích Công ty Xây dựng cấp nước Điện Biên thành công ty TNHH một thành viên và ngày 24/6/2009 doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chính thức chuyển thành công ty TNHH một thành viên 100% vốn nhà nước với tên gọi Công ty TNHH Xây cấp nước Điện Biên.

Cùng với việc sản xuất kinh doanh nước sạch, Công ty đã mở rộng thêm một số ngành nghề kinh doanh như: Sản xuất nước tinh khiết, thi công xây lắp, kinh

doanh vật tư phụ tùng thiết bị ngành nước... để giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, đồng thời giúp Công ty có thêm thu nhập để tái sản xuất và mở rộng quy mô.

Năm 2007, theo quyết định của UBND tỉnh Điện Biên, Công ty được xếp hạng là "Doanh nghiệp hạng II" và Năm 2010 được nhận Huân chương lao động hạng ba do Nhà nước trao tặng;

Với sự nỗ lực hết mình của CBCNV công ty và sự ủng hộ của các cấp lãnh đạo, từ một công ty có quy mô nhỏ nay doanh nghiệp đã phát triển thành công ty có quy mô lớn, quản lý hệ thống cấp nước tại các huyện trong tỉnh. Tổng công suất hiện nay là 28.000 m<sup>3</sup>/ngđ gấp 4 lần so với ngày đầu thành lập, CBCNV thừa ban đầu là 30 người giờ đây đã lên tới 163 người, trong đó nhiều người có trình độ tay nghề cao, kỹ sư chuyên ngành có kinh nghiệm, chứng tỏ doanh nghiệp đã từng bước phát triển đạt tới quy mô khá lớn cả về số lượng và chất lượng.

## **2. Về đầu tư phát triển hệ thống cấp nước:**

- Năm 1993 được sự quan tâm của chính phủ Pháp và chính phủ Việt Nam, Nhà máy được hưởng nguồn vốn viện trợ ODA của chính phủ Pháp để xây dựng hệ thống cấp nước thành phố Điện Biên Phủ.

- Ngày đầu thành lập nhà máy (năm 1998), tổng công suất thiết kế giai đoạn I chỉ đạt 8000 m<sup>3</sup>/ngđ chủ yếu phục vụ nhân dân thị xã Điện Biên Phủ (nay là Thành phố Điện Biên Phủ).

- Năm 2007 Công ty tiếp tục đầu tư bằng nguồn vốn khấu hao Nhà máy nước Bản Phủ 360m<sup>3</sup>/ngđ phục vụ nhân dân khu Bản Phủ; Nhà máy nước Mường Ảng 1.680m<sup>3</sup>/ngđ phục vụ nhân dân thị trấn Mường Ảng.

- Năm 2008 Công ty được UBND Tỉnh và UBND huyện Tủa chùa bàn giao Công trình Nhà máy nước Tủa Chùa công suất 2.000 m<sup>3</sup>/ngđ; Năm 2010 được bàn giao Nhà máy nước Mường Chà, công suất 1000m<sup>3</sup>/ngđ.

- Năm 2011 do nhu cầu của Thành phố Điện Biên Phủ: Nhà máy Nước Điện Biên đã được mở rộng nâng công suất lên 11.500 m<sup>3</sup>/ngđ. (Đầu tư dây truyền 3.500 m<sup>3</sup>/ngđ bằng nguồn vốn khấu hao của Công ty)

- Năm 2012 Nhà máy Nước Điện Biên Phủ tiếp tục được đầu tư nâng công suất lên 16.500 m<sup>3</sup>/ngđ (Đầu tư dây truyền 3.500 m<sup>3</sup>/ngđ bằng nguồn vốn khấu hao công ty và vốn ngân sách); Được đầu tư nhà máy nước huyện Điện Biên Đông công suất 1.500m<sup>3</sup>/ngđ (bằng nguồn vốn Jaca & vốn đối ứng của tỉnh)

- Năm 2013 Công ty tiếp quản Nhà máy nước thị xã Mường Lay bằng nguồn vốn tái định cư thủy điện Sơn La, công suất 5.600m<sup>3</sup>/ngđ

- Với sự phát triển của Thành phố Điện Biên Phủ, năm 2014 Công ty tiếp tục được hưởng nguồn vốn ODA vay ưu đãi, phục vụ cho việc đầu tư giai đoạn 2 nâng công suất Nhà máy lên 16.000 m<sup>3</sup>/ngđ, cải tạo lại toàn bộ mạng lưới đường ống cấp nước phụ cho toàn bộ địa bàn Thành phố Điện Biên và các vùng phụ cận.

Là tỉnh miền núi còn nhiều khó khăn, trải qua hơn 20 năm xây dựng, Công ty đã không ngừng phát triển so với ngày đầu thành lập: Tổng công suất thiết kế các nguồn nước đạt 28.000 m<sup>3</sup>/ngđ tăng 4 lần; Số khách hàng 19.000 khách hàng; Sản lượng tiêu thụ năm 2013 đạt 3,7 triệu m<sup>3</sup>; Doanh thu đạt trên 23 tỷ đồng. Độ bao phủ cấp nước đô thị đạt 85%.

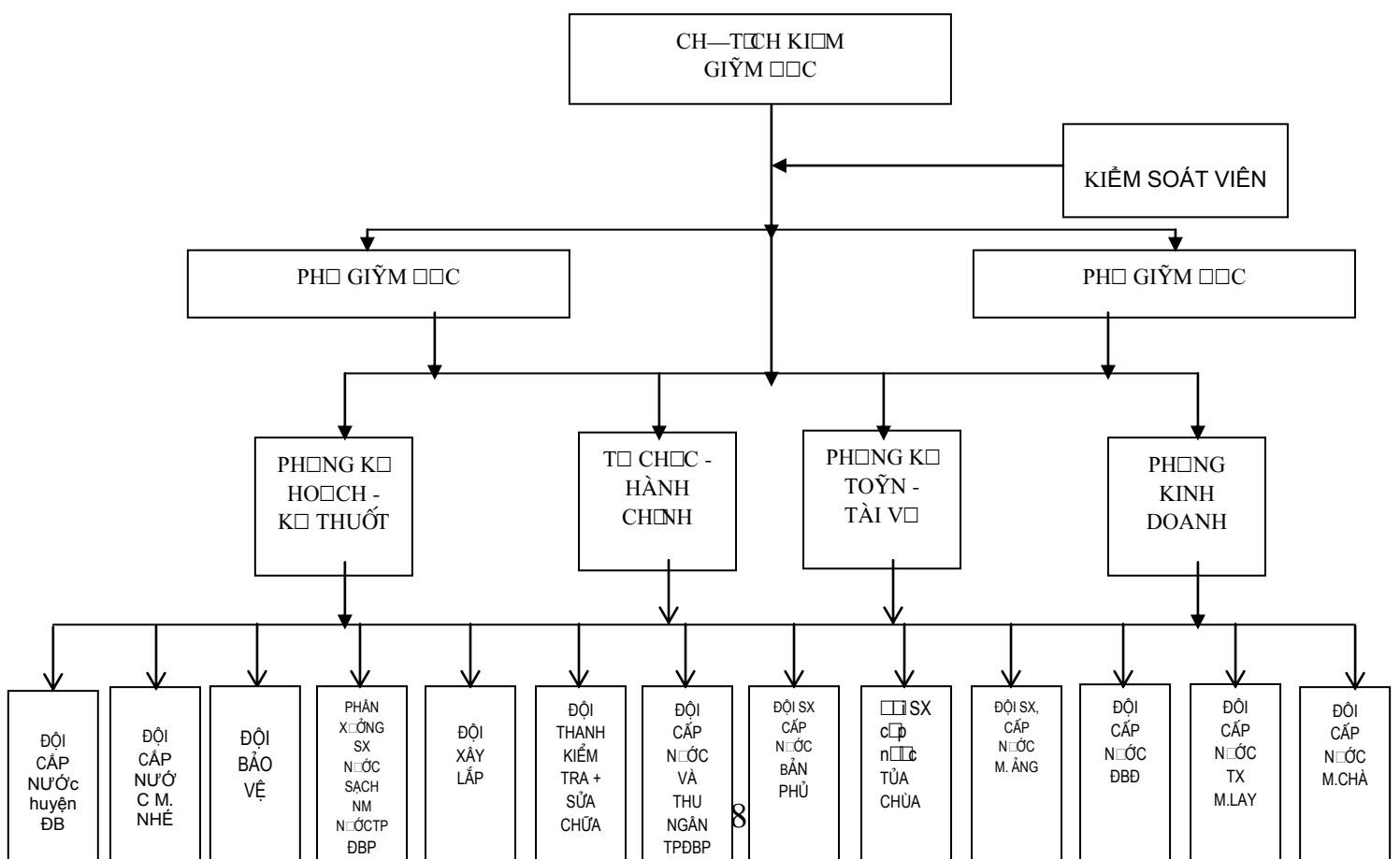
### 3. Cơ cấu tổ chức quản lý và lao động của Công ty:

#### 3.1. Bộ máy tổ chức quản lý hiện tại bao gồm:

- Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty
- Kiểm soát viên
- Phó giám đốc Công ty
- Kế toán trưởng

- Các phòng, ban, đội trực thuộc giúp việc và thực hiện các nhiệm vụ SXKD do Chủ tịch kiêm Giám đốc giao; Được tổ chức thành 4 phòng chức năng và 13 đơn vị, đội trực thuộc.

#### SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH HIỆN TẠI CỦA CÔNG TY





### 3.2. Thực trạng về lao động của doanh nghiệp.

Số lượng lao động làm việc tại Công ty tính đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp, ngày 31/12/2013 là: 163 người (chưa kể 16 người mới tiếp nhận bàn giao từ Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ thủy lợi tỉnh Điện Biên kèm theo việc bán giao Nhà máy nước Tuần Giáo).

Trong đó: Nam: 128 người; Nữ: 35 người; Cụ thể như sau:

STT	Trình độ	Tổng số người	Tỷ lệ (%)
	<b>Phân loại theo trình độ lao động</b>	<b>163</b>	
1	Trên đại học		0
2	Đại học	37	23
3	Cao đẳng + Trung cấp	33	20
4	Bằng nghề CN kỹ thuật, trình độ khác	74	45
5	Lao động không có bằng nghề	19	12
	<b>Phân loại theo hợp đồng lao động</b>	<b>163</b>	
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ (Nhà nước bổ nhiệm)	04	
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	159	
3	Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ 1 đến 3 năm	0	
4	Lao động làm việc theo mùa vụ, theo công việc nhất định dưới 12 tháng.	0	
5	Tạm hoãn HĐLĐ thực hiện nghĩa vụ quân sự, lý do khác	0	

## 4. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

### 4.1. Đất đai:

Tổng số diện tích đất đai doanh nghiệp đang sử dụng: 369.868,5m<sup>2</sup> (chưa kể diện tích đất Nhà máy nước Tuần Giáo Công ty đang nhận bàn giao và một số Nhà máy đang đầu tư xây dựng ở các huyện, thị khác)

Chi tiết: Có biểu Hiện trạng sử dụng đất kèm theo

### 4.2. Tài sản cố định của doanh nghiệp

Tình hình về tài sản cố định của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, ngày 31/12/2013 được tóm tắt tại bảng sau:

Đơn vị tính: VND

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
<b>I</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>317.231.723.256</b>	<b>50.981.059.633</b>	<b>266.250.663.623</b>
1	Nhà cửa và vật kiến trúc	208.219.949.977	18.391.551.034	189.828.398.943

2	Máy móc thiết bị	16.839.830.651	5.036.976.478	11.802.854.173
3	Phương tiện vận tải	91.975.632.628	27.422.054.621	64.553.578.007
4	Tài sản cố định khác	196.310.000	130.477.500	65.832.500
5	Tài sản cố định thuê tài chính			
<b>II</b>	<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>581.941.058</b>		<b>581.941.058</b>
<b>III</b>	<b>Chi phí xây dựng dở dang</b>	<b>267.034.363</b>		<b>267.034.363</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>318.080.698.677</b>	<b>50.981.059.633</b>	<b>267.099.639.044</b>

Là một doanh nghiệp vừa hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vừa là nhà cung cấp trực tiếp sản phẩm nước sạch chính vì vậy giá trị tài sản cố định chiếm một phần rất lớn trong tổng tài sản của Công ty. Tài sản cố định của Công ty ngoài nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải,... còn có những tài sản cố định đặc chủng có liên quan đến hoạt động sản xuất của Công ty đó là các loại tài sản như: Đường ống nước truyền dẫn, đường ống nước phân phối và đường cáp điện truyền dẫn, phần lớn các tài sản cố định này rất khó đánh giá được giá trị còn lại do điều kiện sử dụng.

## **5. Tình hình hoạt động của doanh nghiệp 3 năm trước khi cổ phần hóa**

### **5.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm (tỷ lệ từng loại sản phẩm/dịch vụ trong doanh thu, lợi nhuận):**

**Tỷ lệ về doanh thu:**

<b>TT</b>	<b>Loại hình</b>	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2013</b>
-----------	------------------	-----------------	-----------------	-----------------

		<b>Giá trị</b>	<b>Tỷ trọng (%)</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Tỷ trọng (%)</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Tỷ trọng (%)</b>
1	Doanh thu nước máy	18.359.590	97,60	19.597.610	95,89	22.212.551	88,88
2	Doanh thu xây lắp + Phát triển mạng	282.714	1,50	765.940	3,75	2.395.095	9,58
3	Doanh thu, thu nhập khác	168.521	0,90	73.607	0,36	384.511	1,54
	<b>Tổng cộng</b>	<b>18.810.825</b>	<b>100</b>	<b>20.437.157</b>	<b>100</b>	<b>24.992.157</b>	<b>100</b>

*ĐVT: 1000 đồng*

Hàng năm, Công ty đã tập trung nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh chính. Vì vậy, trong cơ cấu doanh thu của Công ty, doanh thu từ dịch vụ sản xuất và kinh doanh nước sạch luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất (trên dưới 90%).

#### **Tỷ lệ về lợi nhuận (trước thuế):**

*ĐVT: 1.000 đồng*

TT	Diễn giải	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	L.nhuận từ nước máy	219.355	57.71	6.116	0.40	26.116	3,45
2	Lợi nhuận từ xây lắp + phát triển mạng	32.000	8.42	-	-	345.962	45,73
3	Lợi nhuận khác	128.722	33.87	9.221	0.60	384.510	50,82
	<b>Tổng cộng</b>	<b>380.077</b>	<b>100</b>	<b>15.337</b>	<b>100</b>	<b>756.588</b>	<b>100</b>

## **5.2. Nguyên vật liệu**

a) Nguồn nguyên vật liệu: Công ty là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh mang tính phục vụ, do vậy nguyên vật liệu của Công ty bao gồm cả 2 lĩnh vực. Đối với hoạt động sản xuất nước sạch, nguyên vật liệu chủ yếu của Công ty như là nước tự nhiên (nước thô), điện, hóa chất... Đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ như xây lắp, sửa chữa, bảo dưỡng, xây dựng các công trình dân dụng, nguyên vật liệu chủ yếu của Công ty như là, đường ống, các phụ kiện, xi măng, sắt thép, đá xây dựng,...

b) Giá nguyên vật liệu đầu vào có ảnh hưởng rất lớn tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Do nhận biết được vấn đề này, Công ty đã áp dụng nhiều biện pháp tiết kiệm nhằm giảm thiểu tối đa sự biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào.

## **5.3. Chi phí sản xuất**

Là một đơn vị sản xuất kinh doanh, mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận luôn được xem là mục tiêu hàng đầu đối với Công ty. Do đó vấn đề tiết kiệm chi phí đặc biệt là chi phí phát sinh trong khâu sản xuất đang được hết sức coi trọng ở Công ty.

Tỷ trọng các loại chi phí của Công ty so với tổng doanh thu qua các năm như sau:

TT	Khoản mục	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
		Giá trị (1.000 đồng)	(%) CP/Tổng DT	Giá trị (1.000 đồng)	(%) CP/Tổng DT	Giá trị (1.000 đồng)	(%) CP/Tổng DT
1	Giá vốn hàng bán	14.794.237	78,64	16.730.751	81,86	20.425.979	81.73
2	Chi phí Q.lý DN	3.382.371	17,98	3.656.847	17,90	3.809.589	15.24
3	Chi phí tài chính	223.335	1,19	34.221	0,16		
4	Chi phí khác	30.805	0,16				
	<b>Tổng</b>	<b>18.430.748</b>	<b>97,97</b>	<b>20.421.819</b>	<b>99,92</b>	<b>24.235.568</b>	<b>96.97</b>

Là một doanh nghiệp nhà nước hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp sản phẩm nước sạch phục vụ sinh hoạt và nhu cầu khác trên địa bàn toàn tỉnh. Nên chi phí về nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu là chi phí về điện năng, hóa chất, xong lớn nhất vẫn là chi phí khấu hao tài sản cố định.

Chi phí là yếu tố cơ bản cấu thành nên giá thành sản phẩm. Việc kiểm soát tốt các yếu tố chi phí là nhân tố quan trọng tác động trực tiếp tới cơ cấu giá thành, doanh thu, lợi nhuận thu được. Do vậy Công ty luôn chú trọng tới việc quản lý tốt các yếu tố chi phí đầu vào nhằm tăng cường lợi thế cạnh tranh, tăng doanh thu, lợi nhuận.

#### **5.4. Trình độ công nghệ**

Để phục vụ cho quá trình sản xuất của mình được liên tục và không bị ngắt quãng Công ty đã tiến hành đầu tư máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ xử lý tiên tiến, phương tiện vận tải và các điều kiện cho hoạt động sản xuất kinh doanh, phù hợp nhu cầu hoạt động, điều này đã góp phần không nhỏ làm tăng năng suất, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

#### **5.5. Tình hình kiểm tra chất lượng dịch vụ**

Để đảm bảo chất lượng các dịch vụ của mình, Công ty đã xây dựng các Tổ thí nghiệm để tự kiểm tra giám sát chất lượng nước sạch. Công tác này đều được

các cơ quan quản lý nhà nước thường xuyên theo dõi, giám sát kiểm tra định kỳ và đột suất.

Trong quá trình hoạt động công ty đã chú trọng đến việc áp dụng các quy trình để giải quyết công việc một cách khoa học; từng bước cải tiến phương pháp làm việc, tạo điều kiện thuận lợi cho từng cán bộ, công chức, phòng, ban giải quyết công việc thông suốt, kịp thời, hiệu quả; đơn giản hoá quy trình và rút ngắn thời gian giải quyết công việc của Công ty.

### **5.6 Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa.**

<b>STT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2011 (1.000 đồng)</b>	<b>Năm 2012 (1.000 đồng)</b>	<b>Năm 2013 (1.000 đồng)</b>
1	Vốn chủ sở hữu (không bao gồm quỹ khen thưởng, phúc lợi, nguồn kinh phí)	78.569.300	119.322.371	303.060.169
2	Nợ phải trả	3.836.288	3.604.785	3.919.315
2.1	Nợ vay ngắn hạn	2.440.865	3.309.362	3.919.315
	Trong đó quá hạn			
2.2	Nợ vay dài	1.395.423	295.423	
	Trong đó quá hạn	-	-	-
3	Nợ phải thu	6.228.018	5.465.361	6.722.302
4	Tổng số lao động	149	152	163
5	Tổng quỹ lương	7.148.020	7.353.703	8.379.534
6	Thu nhập bình quân	3.997	4.031	4.284
7	Doanh thu thuần bán hàng cung cấp dịch vụ	18.642.304	20.363.550	24.607.646
8	Doanh thu hoạt động tài chính	8.994	21.012	51.957
9	Thu nhập khác	159.527	52.595	332.553
10	Tổng chi phí	18.430.748	20.421.819	24.235.568
11	Tổng tài sản	82.405.588	122.927.156	306.979.484
12	Lợi nhuận trước thuế	380.077	15.337	756.588
13	Lợi nhuận sau thuế	285.058	11.503	421.248
14	Các khoản đã nộp ngân sách trong năm	1.554.743	1.384.559	2.095.234
15	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/trên vốn chủ sở hữu	0,36%	0,01%	0,14%

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu của Công ty thấp, nguyên nhân do Điện Biên là một tỉnh miền núi, địa bàn phức tạp, suất đầu tư cho 1 mét khối nước sản xuất quá lớn trong khi giá đầu ra bị khống chế (UBND tỉnh quyết định giá bán chưa được tính đúng tính đủ). Điều đó đã ảnh hưởng tới kết quả sản xuất kinh doanh của đơn vị.

### **5.7. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.**

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khách quan và chủ quan trong đó có nhiều yếu tố tác động thuận lợi đến quá trình hoạt động xong cũng có không ít yếu tố gây khó khăn cho việc sản xuất, kinh doanh của Công ty.

#### **a) Thuận lợi:**

Là Doanh nghiệp nhà nước, hoạt động trong lĩnh vực mang tính chất công ích, Công ty TNHH Xây dựng cấp nước Điện Biên luôn được sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp, các ngành, từ đó giúp Công ty có những điều kiện thuận lợi để phát triển và mở rộng sản xuất.

Sản phẩm của Công ty là sản phẩm không thể thay thế và hiện không có nhiều doanh nghiệp hoạt động cùng ngành trên địa bàn.

Công ty có đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề, năng động, với trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm lâu năm được đúc kết qua thực tiễn mà không phải đơn vị nào cũng có được.

Công ty có kinh nghiệm nhiều năm trong ngành và có bề dày hơn 20 năm phục vụ trên địa bàn tỉnh Điện Biên,

Công ty có định hướng rõ ràng trong việc phát triển sản xuất kinh doanh, Định hướng phát triển của Công ty gắn liền với sự phát triển các khu dân cư tại tỉnh Điện Biên. Về lâu dài, Công ty xác định sẽ phân đầu hoạt động bài bản, chuyên nghiệp hơn và phát huy thêm những thế mạnh của công ty bằng cách mở rộng một số ngành nghề hoạt động.

#### **b) Khó khăn**

Cơ sở hạ tầng các công trình cấp nước còn thiếu, nhiều công trình xuống cấp không được nâng cấp cải tạo hàng năm.

Giá bán nước thấp hơn giá thành, theo quyết định của UBND tỉnh, trong khi đó lại không được cấp bù phần chênh lệch, do đó doanh nghiệp bị động trong việc hoạch định kế hoạch sản xuất kinh doanh và hiệu quả thấp.

Do đô thị hóa ở Điện Biên chưa phát triển, cơ sở công nghiệp chưa có, lượng nước tiêu thụ còn rất ít. Đường ống cấp nước chưa thể đưa đến được tất cả người dân và doanh nghiệp và nếu có đầu tư cũng chiếm kinh phí cao. Bên cạnh đó người dân tại các địa bàn mà Công ty đang cung cấp dịch vụ vẫn có xu hướng tiết kiệm do đời sống, thu nhập của dân cư rất thấp.

## **6. Triển vọng phát triển ngành**

a. Xét trên bình diện toàn tỉnh thì Công ty TNHH Xây dựng cấp nước Điện Biên là Doanh nghiệp được UBND tỉnh giao nhiệm vụ chủ yếu sản xuất kinh doanh nước sạch phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất kinh doanh trên địa bàn Tỉnh Điện Biên.

b. Ngành cấp nước không phải là một ngành có thể tạo được đột biến trong sản xuất kinh doanh, cũng không có lợi thế có thể cung cấp và mở rộng về mặt địa lý hoặc vươn ra ngoài. Tuy nhiên, đây là ngành có tính nhu yếu phẩm cao và tính ổn định lâu dài.

c. Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ nên chất lượng phục vụ luôn được đặt lên hàng đầu. Bên cạnh đó Đội Thanh kiểm tra hoạt động có hiệu quả vì thế chất lượng các hoạt động kinh doanh phục vụ của Công ty ngày càng được nâng cao, được khách hàng tin tưởng và ủng hộ. Đây là yếu tố rất thuận lợi giúp Công ty có khả năng cạnh tranh sau khi chuyển sang hình thức Công ty cổ phần tự hạch toán thu chi, lãi, lỗ.

d. Dân số trên địa bàn phát triển nhanh, theo kết quả điều tra dân số 01/04/2011, dân số tỉnh Điện Biên là 512.300 người và dự đoán đến năm 2020 là gần 588.000 người

e. Nước sạch là thứ hàng hóa không thể thiếu được cho đời sống con người, và mọi hoạt động SXKD của các ngành, Khi nền kinh tế ngày càng phát triển thì yêu cầu, đòi hỏi về vấn đề nước sạch ngày càng cao. Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung cấp nước sạch, đây là lĩnh vực mà cả người dân, Chính phủ và thế giới nói chung quan tâm. Hiện nay có rất nhiều dự án tài trợ nhằm phát triển hệ thống cung cấp nước sạch cho xã hội, do vậy triển vọng phát triển của Công ty là rất lớn.

## PHẦN III

### KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

#### VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN TIẾP TỤC XỬ LÝ

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 21/01/2014 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Kế hoạch sắp xếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước và lộ trình thoái vốn Nhà nước đối với những doanh nghiệp Nhà nước không cần nắm giữ cổ phần, vốn góp của tỉnh Điện Biên năm 2014. Công ty TNHH Xây dựng cấp nước Điện Biên đã tiến hành chuẩn bị hồ sơ, tài liệu, tiến hành lập dự toán chi phí cổ phần hóa, tiến hành kiểm kê, xử lý những vấn đề về tài chính và tổ chức xác định giá trị doanh nghiệp.

#### **I. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp như sau:**

Căn cứ Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 18/12/2013 của UBND tỉnh Điện Biên về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá thì:

1. Giá trị thực tế doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/12/2013 của Công ty TNHH Xây dựng cấp nước Điện Biên là: 290.252.375.301 đồng (*Hai trăm chín mươi tỷ, hai trăm năm mươi hai triệu, ba trăm bảy mươi năm nghìn, ba trăm linh một đồng*).

2. Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/12/2013 (không bao gồm giá trị đất) là: 286.333.060.130 đồng (*Hai trăm tám mươi sáu tỷ, ba trăm ba mươi ba triệu, không trăm sáu mươi nghìn, một trăm ba mươi đồng*).

3. Tài sản đã hết khấu hao không cần dùng bàn giao cho Công ty Mua bán nợ Việt Nam (Nguyên giá) là: 349.599.415 đồng (*Ba trăm bốn mươi chín triệu, năm trăm chín mươi chín nghìn, bốn trăm mười năm đồng*).

4. Giá trị tài sản vật tư theo dõi ngoài bảng cân đối bàn giao cho Công ty Mua bán nợ Việt Nam là: 5.026.064.570 đồng (*Năm tỷ, không trăm hai mươi sáu triệu, không trăm sáu mươi tư nghìn, năm trăm bảy mươi đồng*).



## **II. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý.**

1. Tiến hành bàn giao cho công ty mua bán nợ Việt Nam tài sản không cần dùng và tài sản vật tư theo dõi ngoài bảng cân đối, với tổng giá trị là: 5.375.663.985 đồng (*Có phụ lục 01 kèm theo*)

2. Phần giá trị các công trình chưa được đưa vào xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, tại thời điểm 31/12/2014, đề nghị đưa vào vốn điều lệ và được coi là phần vốn nhà nước (số cổ phần nhà nước nắm giữ), bao gồm:

2.1. Phần giá trị các công trình cấp nước Công ty đã nhận bàn giao Vốn và tài sản. Tuy nhiên, ở thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, ngày 31/12/2013, chưa bao gồm phần giá trị này. Tổng giá trị: 23.291.288.339 đồng.

a. Giá trị công trình: Cấp nước sinh hoạt trung tâm huyện lỵ huyện Mường Nhé (giai đoạn I) theo Quyết định số 249/QĐ-STC ngày 12/09/2014 v/v Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. Theo đó Công ty TNHHXD cấp nước Điện Biên tiếp nhận tài sản, tiền vốn công trình là: 5.163.087.000 đồng

b. Giá trị Nhà máy nước Tuần Giáo: Theo Quyết định 970/QĐ-UBND ngày 11/12/2014 của UBND tỉnh Điện Biên về điều chuyển giá trị tài sản, tiền vốn thì Công ty TNHH Xây dựng cấp nước Điện Biên được nhận bàn giao từ Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ thủy lợi tỉnh Điện Biên phần tài sản và tiền vốn của Nhà máy nước Tuần Giáo là 18.128.201.339 đồng.

2.2. Phần giá trị vốn ngân sách nhà nước sẽ cấp hoặc sẽ bị giảm trừ trong thời gian từ 1 đến 3 năm tới, bao gồm:

*Dự kiến giá trị được ngân sách cấp: 70.984.610.000 đồng, trong đó:*

a) Công trình: Nâng cấp và mở rộng hệ thống cấp nước Thành phố Điện Biên phủ

- Căn cứ dự án khả thi đã được UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt tại quyết định số 2203/QĐ-UBND ngày 31/12/2008, Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 21/9/2011, theo đó tổng mức đầu tư cho dự án là: 124.060.000.000 đồng. Trong đó vốn vay ODA của chính phủ NaUy là 4.100.000 USD tương đương 85.292.300.000 đồng.

- Căn cứ công văn 127/TTg-QHQT ngày 20/01/2014 của Thủ Tướng chính phủ đồng ý Cấp phát 70% giá trị vốn vay ODA sấp xỉ 59.704.610.000 đồng.

Như vậy vốn ngân sách cấp cho công trình này là: 59.704.610.000 đồng.

Dự kiến tháng 6 năm 2015 hoàn thành bàn giao đi vào sử dụng.

b) Công trình: Hệ thống đường ống dẫn nước cấp cho khu vực Bản phủ

Căn cứ Quyết định 147/QĐ-CT ngày 22/05/2014 của Chủ tịch kiêm giám đốc Công ty TNHH Xây dựng cấp nước Điện Biên v/v phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật tổng mức đầu tư công trình 7.800.000.000 đồng.

Căn cứ văn bản số 1216/SKHĐT-TH ngày 25/10/2013 của sở kế hoạch & Đầu tư về việc thỏa thuận nguồn vốn và phân vốn ngân sách địa phương cho dự án Xây dựng hệ thống cấp nước cho khu vực Bản phủ theo đó Nguồn vốn NSDP Cấp cho công trình là 60% tổng mức đầu tư.

Như vậy vốn của Nhà nước cấp cho công trình là: 4.680.000.000 đồng.

Dự kiến tháng 2 năm 2015 đi vào hoạt động

c) Công trình: Hệ thống lắng lọc sơ bộ nước thô khu vực đầu nguồn Nậm Khẩu Hu

Căn cứ QĐ 132/QĐ-CT ngày 31/10/2013 của Chủ tịch kiêm giám đốc Công ty TNHH Xây dựng cấp nước Điện Biên v/v Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật, Tổng mức đầu tư 11.000.000.000 đồng.

Căn cứ văn bản 1233/SKHĐT ngày 31/10/2013 của Sở kế hoạch & Đầu tư tỉnh Điện Biên v/v thỏa thuận nguồn vốn cho công trình Hệ thống lắng lọc sơ bộ nước thô khu vực đầu nguồn Nậm Khẩu Hu. Theo đó ngân sách nhà nước cấp 60% Tổng mức đầu tư.

Như vậy vốn nhà nước cấp cho công trình là: 6.600.000.000 đồng.

Dự kiến tháng 6 năm 2015 đi vào hoạt động.

*Giá trị phải giảm trừ: 9.509.285.184 đồng*

Công trình Hệ thống cấp nước các khu tái định cư Thị xã Mường Lay.

Giá trị tạm tính khi xác định giá trị doanh nghiệp thời điểm 31/12/2013 là: 111.354.000.000 đồng.

Giá trị Theo Quyết định số 1059/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành là: 101.844.714.816 đồng.

Như vậy Giá trị doanh nghiệp giảm là: 9.509.285.184 đồng.

*\* Tổng cộng mục 2 giá trị doanh nghiệp tăng so với Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 18/12/2014 của UBND tỉnh Điện Biên là: 84.766.613.155 đồng (Tám mươi bốn tỷ, bảy trăm sáu mươi sáu triệu, sáu trăm mười ba nghìn, một trăm năm mươi năm đồng).*

## **PHẦN IV**

### **PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HOÁ**

#### **I. Căn cứ xây dựng phương án:**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH 11 ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị Định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ V/v chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần; căn cứ Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ V/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/8/2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư số 38/2010/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2010 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/8/2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá của doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định 37/2014/QĐ-TTG ngày 18/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 21/01/2014 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Kế hoạch sắp xếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước và lộ trình thoái vốn Nhà nước đối với những Doanh nghiệp Nhà nước không cần nắm giữ cổ phần, vốn góp của tỉnh Điện Biên năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 271/QĐ-UBND ngày 22/4/2014 của UBND Tỉnh Điện Biên về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hoá Công ty TNHH Xây dựng cấp nước Điện Biên.

Căn cứ Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 18/12/2014 của UBND Tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Căn cứ Quyết định số 321/QĐ-BCĐ ngày 12/5/2014 của Ban chỉ đạo sắp xếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước giai đoạn 2012-2015 tỉnh Điện Biên về việc thành lập tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hoá Công ty TNHH Xây dựng cấp nước Điện Biên;

Căn cứ Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 15/12/2014 của UBND tỉnh Điện Biên V/v phê duyệt dự toán chi phí cổ phần hóa của Công ty TNHH Xây dựng cấp nước Điện Biên

Căn cứ các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Căn cứ tình hình thực tế tại doanh nghiệp, Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hoá Công ty TNHH Xây dựng cấp nước Điện Biên xây dựng Phương án cổ phần hoá Công ty TNHH Xây dựng cấp nước Điện Biên với những nội dung như sau:

## **II. Mục tiêu cổ phần hóa.**

Theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và chủ trương của UBND tỉnh Điện Biên về việc cổ phần hóa Công ty TNHH Xây dựng cấp nước Điện Biên nhằm các mục tiêu:

- Thực hiện cổ phần hóa nhằm huy động vốn của các cá nhân, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội trong và ngoài nước để tăng cường năng lực tài chính, đổi mới công nghệ, đổi mới phương thức quản lý nhằm nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động trong doanh nghiệp.

- Thực hiện công khai, minh bạch theo nguyên tắc thị trường, khắc phục tình trạng cổ phần hóa khép kín trong nội bộ doanh nghiệp; gắn với phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán.

## **III. Hình thức cổ phần hóa**

Căn cứ Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần; Căn cứ Quyết định 37/2014/QĐ-TTG ngày 18/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước; Căn cứ Quyết định số 1000/QĐ-

UBND ngày 18/12/2014 của UBND tỉnh Điện Biên về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá; Căn cứ tình hình thực tế tại doanh nghiệp, Công ty TNHH Xây dựng cấp nước Điện Biên xây dựng phương án cổ phần hoá theo hình thức:

- Bán một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp (quy định tại Khoản 2 Điều 4 Nghị định 59/2011/NĐ-CP).

- Tỷ lệ cổ phần Nhà nước nắm giữ: 64% vốn điều lệ (Đề nghị giữ ở mức cao nhất theo quy định tại Quyết định 37/2014/QĐ-TTg)

#### **IV. Quy mô, cơ cấu vốn điều lệ và giá khởi điểm để thực hiện đấu giá bán cổ phần:**

Theo quy định tại Điều 25 và Điều 36 Nghị định 59/2011/NĐ-CP, việc xác định quy mô vốn điều lệ, cơ cấu cổ phần phát hành lần đầu và giá khởi điểm để thực hiện đấu giá bán cổ phần của công ty dựa trên kết quả công bố giá trị doanh nghiệp, kế hoạch sản xuất kinh doanh các năm sau khi công ty chuyển thành công ty cổ phần. Với tính chất đặc thù trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh chính của công ty là Sản xuất và cung cấp nước sạch ở địa bàn một tỉnh miền núi biên giới, đời sống, kinh tế của nhân dân các dân tộc còn nhiều khó khăn; Đồng thời, căn cứ vào tình hình thực tế hiện nay, giá trị tài sản của doanh nghiệp quá lớn hơn 300 tỷ đồng. Trong khi đó, địa bàn cung cấp nước lại phân tán (trên địa bàn Thành phố Điện Biên Phủ và các huyện, thị trong tỉnh), giá nước thực hiện theo quy định, có tính đến vấn đề an sinh xã hội của tỉnh mà không có khoản hỗ trợ trở lại cho doanh nghiệp, vì vậy doanh nghiệp đã phải thực hiện hình thức khấu hao chậm (giảm 25% khấu hao hàng năm để bù đắp chênh lệch giữa giá thành và giá bán nước), do đó hiệu quả hoạt động đạt thấp (tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu năm 2011 là 0,36%, năm 2012 là 0,01%, năm 2013 là 0,14%). Khi cổ phần hóa, các cổ đông phải căn cứ vào hiệu quả sản xuất kinh doanh do việc đầu tư mang lại, vì vậy việc bán cổ phần của công ty là rất khó khăn. Để Phương án có tính khả thi, Công ty xác định hình thức cổ phần hóa là bán một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp. Quy mô và cơ cấu vốn điều lệ được xác định như sau:

##### **1. Quy mô vốn điều lệ:**

Căn cứ vào tình hình thực tế tại doanh nghiệp và ý kiến của Sở Tài chính về xác định phần giá trị tăng thêm từ việc tiếp nhận Nhà máy nước Tuần Giáo của Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ thủy lợi tỉnh Điện Biên và từ việc đầu tư các công trình bằng nguồn ngân sách nhà nước cấp trong thời gian từ 3 đến 5 năm tới vào vốn điều lệ (tại Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 30/11/2014), Công ty dự kiến vốn điều lệ như sau:

- Tổng số vốn điều lệ là: 371.099.673.285 đồng, làm tròn thành 371.099.670.000 đồng

Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi một tỷ không trăm chín mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng.

Trong đó:

+ Giá trị phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp đến thời điểm 31/12/2013 là: 286.333.060.130 đồng

+ Giá trị tiền vốn công trình cấp nước Mường Nhé mới được quyết toán bàn giao cho Công ty là: 5.163.087.000 đồng.

+ Giá trị tài sản và tiền vốn thuộc Nhà máy nước Tuần Giáo nhận của Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ thủy lợi tỉnh Điện Biên bàn giao là: 18.128.201.339 đồng

+ Phần giá trị vốn ngân sách nhà nước sẽ cấp trong thời gian từ 1 đến 3 năm tới (Từ việc đầu tư xây dựng các công trình: Nâng cấp và mở rộng hệ thống cấp nước Thành phố Điện Biên phủ, Hệ thống đường ống dẫn nước cấp cho khu vực Bản phủ, Hệ thống lắng lọc sơ bộ nước thô khu vực đầu nguồn Nậm Khẩu Hu và từ việc giảm trừ từ công trình Hệ thống cấp nước các khu tái định cư Thị xã Mường Lay như đã đề cập ở mục những vấn đề cần tiếp tục xử lý trong Phương án): 61.475.324.816 đồng (*Sáu một tỷ, bốn trăm bảy mươi năm triệu, ba trăm hai mươi bốn nghìn, tám trăm mười sáu đồng*).

- Mệnh giá của mỗi cổ phần: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)

- Tổng số cổ phần dự kiến phát hành: 37.109.967 cổ phần

## **2. Cơ cấu vốn điều lệ:**

### **2.1. Cổ phần Nhà nước nắm giữ:**

Căn cứ Quyết định 37/2014/QĐ-TTG ngày 18/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước và tình hình thực tế tại doanh nghiệp, Công ty xác định:

Tỷ lệ cổ phần Nhà nước nắm giữ là 64% vốn điều lệ, tương ứng 23.750.379 cổ phần và bằng 237.503.790.000 đồng

### **2.2. Cổ phần bán theo giá ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp:**

Theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần, thì cổ phần bán theo giá ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp gồm 2 hình thức, chi tiết như sau:

2.2.1. Cổ phần CBCNV được mua theo số năm thực tế làm việc trong khu vực nhà nước với mức giá bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP (*Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước*):

- Tổng số CBCNV có tên trong danh sách lao động Công ty đến 31/12/2014 là: 188 người (bao gồm cả 16 lao động nhận bàn giao từ Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ thủy lợi tỉnh Điện Biên chuyển sang)

Trong đó:

+ Tổng số CBCNV được mua cổ phần theo số năm thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước: 177 người (11 người chưa đủ 12 tháng làm việc trong khu vực nhà nước theo quy định tại khoản 1 điều 4 thông tư 33/2012/TT-BLĐTBXH).

+ Tổng số năm công tác của 177 CBCNV được mua cổ phần theo số năm thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước: 1.861 năm

+ Tổng số cổ phần được mua theo năm công tác của 177 người là 186.100 cổ phần

- Danh sách CBCNV đăng ký mua cổ phần theo số năm thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước:

Theo danh sách này, có 177 CBCNV đăng ký mua 186.100 cổ phần theo số năm thực tế làm việc trong khu vực nhà nước, tương ứng với 0,50% vốn điều lệ và bằng 1.861.000.000 đồng (tính theo mệnh giá)

*Chi tiết danh sách người lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp đăng ký mua cổ phần ưu đãi theo số năm thực tế làm việc tại khu vực Nhà nước: (Phụ lục số 02 kèm theo).*

2.2.2. Cổ phần CBCNV được mua thêm (là người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu), theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động; Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao làm việc tại doanh nghiệp được mua thêm theo mức 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người lao động. Với mức

giá bằng giá đấu thành công thấp nhất theo quy định tại Khoản 2 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP:

Theo danh sách CBCNV đăng ký mua thêm cổ phần, thuộc đối tượng này, Công ty có 17 CBCNV đăng ký mua, với tổng số 38.900 cổ phần, tương ứng 0.11% vốn điều lệ và bằng 389.000.000 đồng (tính theo mệnh giá).

Tiêu chí xác định người lao động là chuyên gia giỏi, có trình độ nghiệp vụ cao bao gồm:

- Có trình độ Đại học trở lên; hoặc có thời gian công tác tại công ty tối thiểu là 5 năm; hoặc là thành viên Ban giám đốc.

Các tiêu chí này đã được thảo luận và thống nhất tại Đại hội công nhân viên chức bất thường tổ chức ngày .17./01./2015.

*Chi tiết danh sách người lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp có tên trong danh sách thường xuyên đăng ký mua thêm cổ phần ưu đãi theo cam kết làm việc lâu dài tại doanh nghiệp: (Có phụ lục số 03 kèm theo).*

### **2.3. Cổ phần bán ưu đãi cho tổ chức công đoàn tại doanh nghiệp:**

Theo quy định tại Điểm c Mục 2 Điều 36 Nghị định 59/2011/NĐ-CP thì Công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp được sử dụng nguồn quỹ công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hóa (theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Công đoàn; không huy động, vay vốn) để mua cổ phần ưu đãi nhưng không quá 3% vốn điều lệ, với giá bán bằng bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất

Tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp tổ chức Công đoàn tại doanh nghiệp không đăng ký mua cổ phần theo quy định trên (vì công đoàn không có quỹ để mua cổ phần)

### **2.4. Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược:**

Căn cứ Khoản 3 Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP, Công ty xác định không có nhà đầu tư chiến lược

### **2.5. Cổ phần bán cho các nhà đầu tư khác:**

Căn cứ Khoản 2, Khoản 3 Điều 36 Nghị định 59/2011/NĐ-CP, căn cứ tình hình thực tế tại doanh nghiệp, Công ty xác định:

Tổng số cổ phần bán cho nhà đầu tư khác là 13.134.588 cổ phần, tương ứng với 35,39% và bằng 131.345.880 đồng (tính theo mệnh giá)



**\* Tổng cộng tỷ lệ nắm giữ của các nhà đầu tư bằng 100% vốn điều lệ, tương ứng với 37.109.967 cổ phần và bằng 371.099.670.000 đồng, cụ thể như sau:**

STT	Cổ đông	Số cổ phần (Cổ phần)	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ phần Nhà nước nắm giữ	23.750.379	237.503.790.000	64,00
2	Cổ phần bán theo giá ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp	225.000	2.250.000.000	0,61
	<i>Cổ phần mua theo số năm thực tế làm việc trong khu vực nhà nước với mức giá bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất</i>	186.100	1.861.000.000	0,50
	<i>Cổ phần mua thêm theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty với mức giá bằng giá đấu thành công thấp nhất</i>	38.900	389.000.000	0,11
3	Cổ phần bán ưu đãi cho tổ chức công đoàn	0	0	0
4	Cổ phần bán cho bán cho nhà đầu tư chiến lược	0	0	0
5	Cổ phần bán cho nhà đầu tư khác	13.134.588	131.345.880.000	35,39
	<b>Tổng cộng</b>	<b>37.109.967</b>	<b>371.099.670.000</b>	<b>100</b>

### **3. Giá khởi điểm phát hành cổ phần:**

Căn cứ Khoản 7 Điều 2 của Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ tài chính Hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước chuyển đổi thành công ty cổ phần, căn cứ tình hình thực tế của doanh nghiệp, Công ty đề xuất:

Giá khởi điểm bán cổ phần là: 10.000 đồng/cổ phần (*mười nghìn đồng một cổ phần*)

### **4. Phương thức phát hành cổ phần:**

#### **4.1. Cổ phần bán cho các nhà đầu tư khác (nhà đầu tư thông thường):**

- Số lượng cổ phần phát hành: 13.134.588 cổ phần chiếm 35,39% vốn điều lệ
- Phương thức: Bán đấu giá công khai
- Thời gian dự kiến: Từ tháng 6/2015 đến tháng 7/2015
- Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần:

Thuê Sở Giao dịch chứng khoán để thực hiện đấu giá bán cổ phần theo quyết định phê duyệt của UBND tỉnh.

Địa điểm bán đấu giá: Sở giao dịch chứng khoán

#### **4.2. Cổ phần bán theo giá ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp:**

Sau khi thực hiện bán đấu giá công khai cho nhà đầu tư thông thường, trên cơ sở giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá, doanh nghiệp tổ chức thực hiện bán cổ phần theo giá ưu đãi cho người lao động.

- Giá bán cổ phần cho người lao động mua theo số năm thực tế làm việc trong khu vực nhà nước được xác định bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP.

- Giá bán cổ phần cho người lao động mua thêm theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP là giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP.

#### **5. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa.**

Số tiền thu được từ cổ phần hóa doanh nghiệp được sử dụng để thanh toán chi phí cổ phần hóa. Phần còn lại nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (theo quy định tại mục a khoản 1 Điều 42 Nghị định 59/2011/NĐ-CP)

#### **V. Phương án sắp xếp lại lao động.**

Căn cứ Nghị định 59/2011/NĐ-CP và Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần; căn cứ hiện trạng đội ngũ lao động hiện có của doanh nghiệp, nhu cầu lao động dự kiến của Công ty giai đoạn sau cổ phần hóa. Nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phát huy được năng lực của người lao động sau khi chuyển sang loại hình công ty cổ phần, Công ty xây dựng phương án sắp xếp lại lao động như sau:

**1. Danh sách toàn bộ số lao động của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp:** 188 người (nữ 44 người, nam 144 người).

Trong đó:

- Số lao động là Lãnh đạo Công ty (Chủ tịch công ty kiêm giám đốc, Kiểm soát viên, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của doanh nghiệp) không thuộc diện ký hợp đồng lao động là: 06 người

- Số lao động đang làm việc theo hợp đồng lao động có hưởng lương và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc hoặc không đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (kể cả số lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 01 năm): 182 người

- Số lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của công ty, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc hoặc không đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc: 0 người.

*Chi tiết danh sách lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp: (Có phụ lục số 04 kèm theo).*

**2. Danh sách số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp: 0 người**

**3. Danh sách lao động sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần: 188 người (nữ 44 người, nam 144 người).**

Trong đó:

- Lao động đang thực hiện hợp đồng lao động còn thời hạn bao gồm cả lao động là Lãnh đạo Công ty (Chủ tịch công ty kiêm giám đốc, Kiểm soát viên, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của doanh nghiệp) không thuộc diện ký hợp đồng lao động: 188 người

- Lao động đang nghỉ hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội (ốm đau; thai sản; tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp) mà hợp đồng lao động còn thời hạn: 0 người.

- Lao động đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động: 0 người

*Chi tiết danh sách lao động sẽ chuyển sang làm việc ở công ty cổ phần tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp: (Có phụ lục số 05 kèm theo).*

*Phương án sử dụng lao động: ( Có phụ lục số 06 kèm theo).*

#### **4. Về chính sách đối với người lao động:**

Bao gồm, chính sách mua cổ phần với giá ưu đãi, chính sách mua thêm cổ phần với giá ưu đãi, chia số dư bằng tiền của quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi theo quy định của Nhà nước.

**PHẦN V**  
**PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**  
**TRONG NHỮNG NĂM TIẾP THEO SAU KHI CỔ PHẦN HÓA**

**I. Tên, trụ sở, vốn điều lệ, hình thức hoạt động, ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp sau khi chuyển thành Công ty cổ phần:**

**1. Tên công ty:**

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

- Tên viết tắt: CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

**2. Địa chỉ trụ sở chính:** Tổ dân phố 1 - Phường Him Lam

Thành phố Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên

Điện thoại: 0230 3810198

Fax: 0230 3812333

**3. hình thức hoạt động:**

Công ty cổ phần Cấp nước Điện Biên có:

- Tư cách pháp nhân kể từ ngày đăng ký kinh doanh.
- Thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập.
- Có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật.
- Được tổ chức và hoạt động theo điều lệ của công ty cổ phần và Luật doanh nghiệp, được đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

**4. Vốn điều lệ:** 371.099.670.000 đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 37.109.967 cổ phần

Số cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán: 37.109.967 cổ phần phổ thông.

**5. Ngành nghề kinh doanh:**

Nhằm phát huy cơ sở vật chất kỹ thuật và các phương tiện máy móc thiết bị hiện có, từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, phấn đấu có lợi nhuận để chi trả cổ tức cho các cổ đông, Công ty dự kiến ngành nghề kinh doanh như sau:

- Khai thác, sản xuất và kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, du lịch, dịch vụ, sản xuất và các nhu cầu khác trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Kinh doanh, vật tư, thiết bị, công nghệ chuyên ngành cấp thoát nước ;
- Đầu tư, xây dựng các công trình cấp, thoát nước (bao gồm cả tổng thầu thực hiện các dự án cấp thoát nước theo hình thức chìa khóa trao tay);
- Lắp đặt thiết bị, dây truyền công nghệ các công trình cấp thoát nước;
- Sản xuất, kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác;
- Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật và dự án đầu tư xây dựng các công trình; Tư vấn quản lý, điều hành dự án đầu tư xây dựng các công trình;

### **Trong đó:**

Ngành nghề kinh doanh chính là: Khai thác, sản xuất và kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, du lịch, dịch vụ, sản xuất và các nhu cầu khác trên địa bàn tỉnh Điện Biên

## **II. Phương án hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong 3 năm sau cổ phần hóa.**

### **1. Thuận lợi:**

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh uỷ, UBND Tỉnh, sự chỉ đạo trực tiếp và thường xuyên kịp thời của lãnh đạo Sở Xây dựng cùng các Ban ngành chức năng của Tỉnh về những định hướng phát triển của Doanh nghiệp.

- Công ty làm chủ đầu tư một số dự án cấp nước đô thị trong tỉnh do vậy đã chủ động được trong việc triển khai xây dựng cũng như khi đưa vào khai thác, sử dụng sau khi hoàn thành dự án.

- Lãi ngân hàng có xu hướng giảm cũng như một số chính sách vĩ mô khác được Chính phủ xem là mục tiêu quan trọng hàng đầu trong việc kiểm soát và ổn định nền kinh tế là một điều kiện tốt cho hoạt động của Công ty trong thời gian tới.

- Hoạt động theo mô hình công ty cổ phần sẽ giúp cho Công ty có được sự chủ động, tự chủ cao trong việc hoạch định cũng như thực hiện các chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh, đồng thời tăng cường tính linh, khả năng phản ứng nhanh nhạy trong quản trị, điều hành nhằm thích ứng với sự biến động không ngừng của tình hình kinh tế xã hội. Bên cạnh đó, với lợi thế là công ty cổ phần, sẽ có nhiều cơ hội thuận lợi trong việc huy động vốn khi có các dự án đầu tư hiệu quả với thời gian huy động vốn nhanh đặc biệt khi thị trường chứng khoán ở Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển như hiện nay.

## **2. Khó khăn:**

- Địa bàn hoạt động rộng phần nào ảnh hưởng tới công tác quản lý và điều hành sản xuất

- Hệ thống cấp nước hầu hết là công trình ngầm, mạng lưới cấp nước rộng, phân tán, do vậy công tác quản lý, kiểm tra chống thất thoát và thất thu gặp không ít khó khăn, phức tạp.

- Hệ thống cấp nước mạng cấp II, cấp III chưa được đầu tư nên người dân có nhu cầu sử dụng nhưng không có tiền để lắp đặt (hiện nay do khó khăn về nguồn vốn nên mới có một số điểm được đầu tư mạng cấp II bằng nguồn vốn của doanh nghiệp). Từ đó làm cho sự bất hợp lý xảy ra đó là: Có nhu cầu sử dụng nhưng không có tiền để lắp đặt tình trạng này dẫn tới: Công ty đủ khả năng cấp nước nhưng hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước không tới được người cần sử dụng.

- Các văn bản hướng dẫn thi hành luật xây dựng ban hành không đồng bộ và thay đổi nhiều, làm cho Doanh nghiệp có nhiều lúng túng khi thực hiện.

- Nhu cầu cấp nước ngày một tăng, trong khi nguồn vốn đầu tư cấp nước lại có hạn. Các dự án cấp nước đã lập nhưng chưa triển khai thực hiện được vì chưa có vốn.

- Hệ thống đường ống cấp I giai đoạn trước đây bục vỡ nhiều làm thất thoát nước không nhỏ và ảnh hưởng lớn tới chất lượng nước cũng như hiệu quả SXKD của Đơn vị.

Từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước khi cổ phần hóa và từ những nhận định về thuận lợi, khó khăn trong thời gian tới, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm sau cổ phần hóa với những chỉ tiêu như sau:

## **3. Mục tiêu phát triển:**

- Thực hiện sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Tỉnh và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành trong công tác cấp nước an toàn, giữ vững ổn định trong hoạt động của Công ty.

- Đảm bảo việc cấp nước đạt theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và đáp ứng nhu cầu dùng nước của nhân dân thuộc các địa bàn Công ty được giao quản lý mạng lưới cấp nước.

- Mở rộng ngành nghề hoạt động kinh doanh, tiến tới mở rộng thị trường nhằm nâng cao doanh thu, lợi nhuận cho Công ty.

- Tiếp tục đổi mới công nghệ sản xuất, nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Không để độc quyền trở thành cửa quyền, luôn tôn trọng khách hàng và chăm lo đời sống cho CBCN-LĐ.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên thống nhất, đoàn kết nhằm hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu kế hoạch được giao; phát động phong trào “ Cán bộ, công nhân lao động coi Công ty là nhà, coi dòng nước như dòng máu của mình”.

#### 4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 3 năm sau cổ phần hóa:

S TT	Các chỉ tiêu chính	ĐVT	Dự kiến kế hoạch năm		
			2015	2016	2017
<b>I</b>	<b>CHỈ TIÊU VỀ SẢN XUẤT NƯỚC MÁY</b>				
1	Sản lượng nước máy sản xuất	1.000 m <sup>3</sup>	7.024	7.726	8.499
2	Sản lượng nước máy thương phẩm	1.000 m <sup>3</sup>	4.917	5.408	5.949
3	Tỷ lệ thất thoát bình quân	%	30	30	29.5
4	Giá bán nước máy bình quân	Đồng/m <sup>3</sup>	7.100	7.500	8.000
<b>II</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU KHÁC</b>				
1	Tổng tài sản	Triệu đồng	406.000	406.000	406.000
2	Vốn Chủ sở hữu	Triệu đồng	371.099	371.099	371.099
3	Vốn điều lệ		371.099	371.099	371.099
4	Tổng doanh thu	Triệu đồng	36.108	42.112	49.593
	Trong đó: Doanh thu nước sạch	Triệu đồng	34.908	40.562	47.593
	Doanh thu xây lắp	Triệu đồng	1.000	1.200	1.500
	Doanh thu khác	Triệu đồng	200	350	500
5	Chi phí sản xuất	Triệu đồng	31.664	37.260	45.176
6	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	350	500	600
7	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	263	375	450
8	Thuế thu nhập Doanh nghiệp	Triệu đồng	88	125	150
9	Tổng số lao động	Người	180	185	190
10	Thu nhập bình quân/người/tháng	Triệu đồng	3.7	4.0	4.5
11	Nợ phải trả	Triệu đồng	34.901	34.901	34.901
12	Hệ số nợ phải trả/ vốn chủ sở hữu	Lần	0.094	0.094	0.094

## **5. Một số giải pháp chủ yếu:**

### **5.1. Tổ chức bộ máy công ty cổ phần.**

- Để nâng cao hiệu quả hoạt động, sau cổ phần hóa, Công ty sẽ chủ động sắp xếp lại mô hình tổ chức hoạt động cho phù hợp với mô hình công ty cổ phần. Sử dụng tối đa số lao động hiện có tại thời điểm cổ phần hóa, trên tinh thần gọn, hiệu quả nhằm đáp ứng nhu cầu và hướng hoạt động trong tương lai của Công ty.

- Thực hiện công khai minh bạch trong quản lý điều hành.

- Xây dựng cơ chế khen thưởng, kỷ luật rõ ràng nhằm mục đích phát huy hết năng lực của cán bộ công nhân viên, thu hút nhân tài và gắn bó người lao động với Công ty.

- Sau khi cổ phần hóa Lựa chọn cán bộ có đủ tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ chính trị, phẩm chất đạo đức để xem xét đưa vào danh sách quy hoạch dự bị nhằm chủ động có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo cán bộ nguồn cán bộ kế thừa.

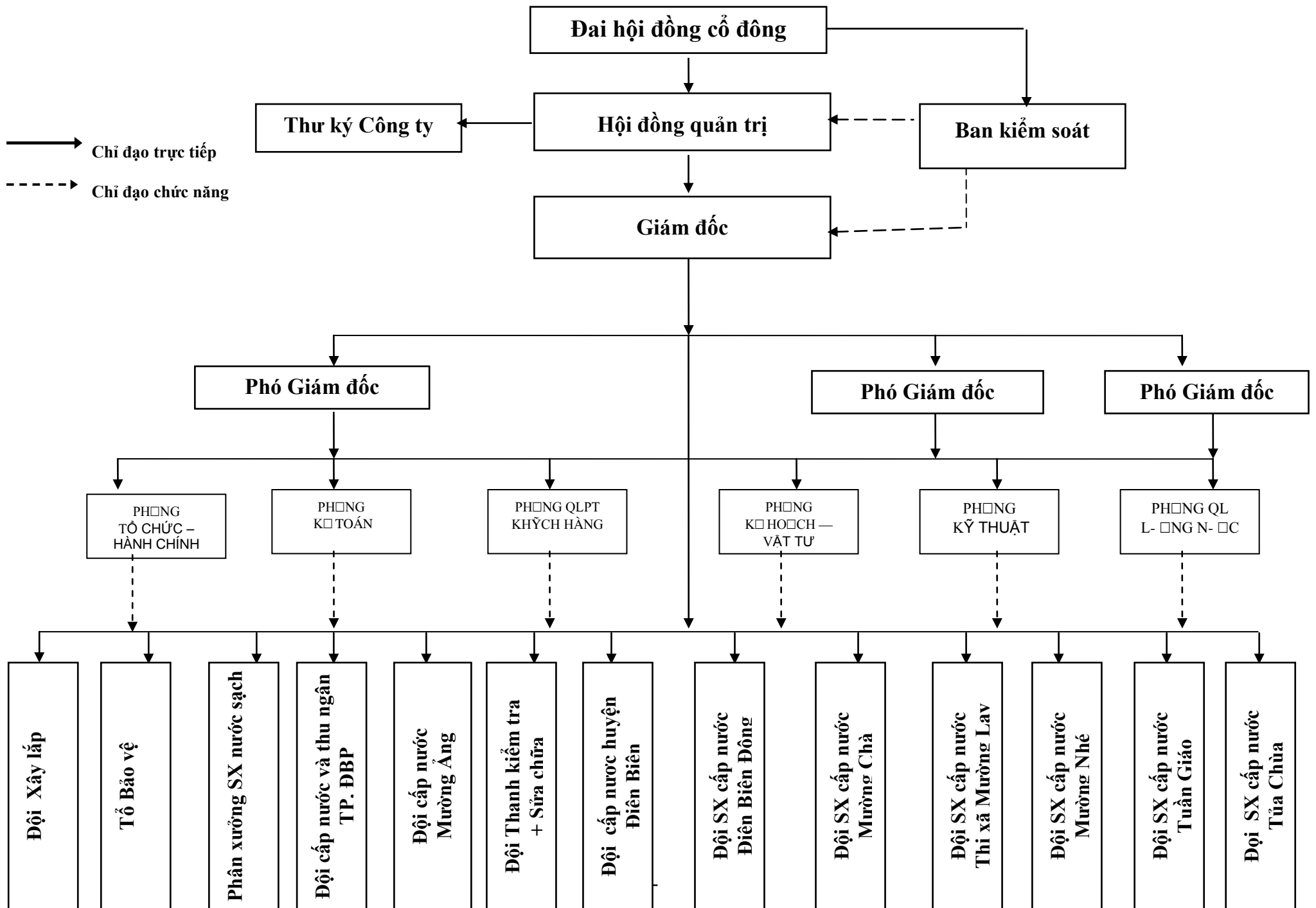
- Quy hoạch điều động nguồn nhân lực trong nội bộ Công ty, thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực.

- Đảm bảo thực hiện đầy đủ mọi quyền lợi hợp pháp đồng thời tạo môi trường và điều kiện làm việc ngày tốt hơn cho người lao động: Xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp.

**Sơ đồ tổ chức dự kiến:** Trang sau



# SƠ ĐỒ MÔ HÌNH TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN



## **5.2. Phát triển nguồn nhân lực:**

- Duy trì phát triển nguồn nhân lực, từng bước nâng cao chế độ đãi ngộ, tạo ra môi trường làm việc tốt cho CBCNV hiện tại, tăng cường tuyển dụng kết hợp với đào tạo tại chỗ. Cùng cố xây dựng bộ máy quản lý và điều hành tốt, phát huy dân chủ gắn với tăng cường việc thực hiện nghiêm túc các quy chế, quy định của công ty trong mọi hoạt động.

- Kiên quyết sắp xếp và cân đối lại nhân lực các phòng ban, thanh lý hợp đồng một số trường hợp làm việc không có hiệu quả, nhằm ổn định tổ chức, phát huy hết khả năng và năng lực của cán bộ các phòng ban.

- Tổ chức các lớp, các khóa đào tạo, tập huấn về an toàn lao động cho cán bộ kỹ thuật hiện trường và các lao động tham gia trên các công trình thi công của đơn vị, để qua đó giảm thiểu rủi ro trong quá trình thi công giúp tăng năng suất và hiệu quả cao trong lao động.

- Tiến hành xây dựng định mức lao động một cách chính xác để có thể xác định được đơn giá tiền lương, đánh giá đúng việc thực hiện công việc.

- Sau cổ phần hóa, để mở rộng, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, Công ty sẽ cần thêm nhân lực mới có kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán, chuyên ngành cấp nước, chống thất thu thất thoát, tự động hóa và các ngành có liên quan; Để đáp ứng yêu cầu này Công ty dự kiến sẽ lên kế hoạch tuyển dụng với những tiêu chí khác nhau sao cho tuyển được những người phù hợp với định hướng và nhu cầu phát triển của Công ty.

## **5.3. Về tài chính**

- Là những năm được dự báo sẽ gặp khó khăn trong vấn đề tài chính, do đó công tác thu hồi vốn và cơ cấu nguồn vốn cho đầu tư là vấn đề hết sức quan trọng nhất. Vì vậy, công ty sẽ nghiên cứu tìm kiếm giải pháp thu hồi vốn, xử lý dứt điểm các vấn đề vướng mắc, đôn đốc công tác nghiệm thu và hoàn chỉnh hồ sơ để thanh quyết toán các công trình.

- Nâng cao vai trò và trách nhiệm cán bộ quản lý tài chính của đơn vị. Kiên quyết thu hồi nợ khó đòi, hạch toán kế toán phải kịp thời đầy đủ. Cùng cố bộ máy hạch toán thống kê, thống kê phải thường xuyên đầy đủ kịp thời cho lãnh đạo để chỉ đạo sản xuất kinh doanh.

- Kiểm tra chặt chẽ các thủ tục thanh toán, hoàn ứng, các hóa đơn chứng từ từ các tổ đội, phòng, ban điều hành các gói thầu khi họ thực hiện công tác hoàn ứng.

- Qua từng kỳ quyết toán, đối chiếu để xác nhận công nợ nhằm giúp việc thanh toán và thu hồi công nợ có hiệu quả.

- Phối hợp cùng các phòng, ban trong Công ty chỉ đạo các công trình nhằm kiểm soát chi phí đầu vào như nguyên, nhiên vật liệu của các công trình. Qua đó để có được những biện pháp tốt nhất trong cách quản lý vật tư, tài chính nhằm tiết kiệm tối ưu chi phí phục vụ công trình mà không ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng đề ra.

#### **5.4. Những biện pháp kỹ thuật - Kinh doanh.**

- Hiện đại hóa mạng lưới cấp nước, lắp đặt hệ thống van giảm áp thông minh để đảm bảo an toàn hệ thống cấp nước.

- Đầu tư trang thiết bị, đào tạo nguồn nhân lực cho công tác chống thất thoát nước sạch nhằm giảm thất thoát toàn bộ hệ thống cấp nước, đặc biệt xác định đúng nhu cầu về áp lực, lưu lượng từng tuyến ống để điều phối hợp lý.

- Đầu tư các dự án trọng điểm để bổ sung nguồn nước, cải tạo và mở rộng hệ thống ống dẫn, ống phân phối nước đáp ứng nhu cầu nước sinh hoạt, sản xuất kinh doanh. Xây dựng lộ trình thực hiện các dự án cấp nước phù hợp với tiến độ các dự án phát triển kinh tế - xã hội, đô thị du lịch và các khu công nghiệp của Tỉnh.

- Tăng cường công tác giám sát kỹ thuật chất lượng và an toàn tại hiện trường; phối hợp chặt chẽ với các phòng ban trong Công ty nhằm đẩy nhanh tiến độ các công trình, kiểm soát chặt chẽ vật tư đưa vào công trình tránh thất thoát và kém chất lượng; xây dựng quy trình kiểm tra chất lượng và vật tư đưa vào công trình, qua đó giúp ban lãnh đạo công ty giám sát chất lượng, tiến độ, an toàn của các công trình một cách dễ dàng và cập nhật hơn.

- Tích cực theo dõi và tham gia đấu thầu mới các công trình là thế mạnh của đơn vị như xây lắp điện, công trình giao thông, thủy lợi,... nhằm tạo nhiều việc làm tăng doanh thu cho Công ty và thu nhập cho người lao động.

- Tiếp tục mở rộng liên danh, liên kết để hợp tác đấu thầu các dự án lớn tạo công ăn việc làm cho người lao động, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

- Nghiên cứu tìm kiếm giải pháp thu hồi vốn, xử lý dứt điểm các vấn đề vướng mắc.

- Đôn đốc công tác nghiệm thu và hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán.

- Chỉ đạo sát sao, phân công cụ thể và tạo mối quan hệ gắn kết giữa các phòng ban nhằm tạo hiệu quả cao trong lao động và sản xuất của Công ty, như: Phòng Kỹ thuật - Vật tư theo dõi đầu vào của vật tư thiết bị, tiến độ, kỹ thuật chất lượng của các công trình, nhằm tăng năng suất kiểm soát đầu vào của các công trình, đẩy nhanh tiến độ đưa công trình hoàn thành sớm kịp thời và đảm bảo; phối hợp cùng phòng Tài chính - Kế toán đẩy nhanh tiến độ thu hồi vốn, thanh quyết toán các công trình dở dang.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển kinh doanh theo hướng đa ngành, đa nghề, trong đó nước sạch là sản phẩm chủ yếu phù hợp với mục tiêu, chiến lược phát triển tổng thể của Công ty.

- Xúc tiến đầu tư, hợp tác kinh doanh, quảng bá thương hiệu theo mục tiêu chiến lược, kế hoạch phát triển kinh doanh.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

- Lập phương án đầu tư xây dựng hệ thống công nghệ thông tin phục vụ theo dõi, quản lý hệ thống cấp nước, chất lượng nước trên nền tảng công nghệ SCADA và GIS, có lộ trình thực hiện cụ thể:

+ Giai đoạn 2016-2018: Xây dựng hệ thống SCADA giám sát, thu thập, lưu trữ và phân tích dữ liệu theo thời gian thực cho toàn bộ mạng lưới hệ thống cấp nước của Công ty bằng việc lắp đặt các đồng hồ điện từ và đồng hồ siêu âm, xây dựng phần mềm quản lý, theo dõi các thông số lưu lượng và áp lực tại các điểm cấp nước phân vùng, tách mạng của hệ thống mạng lưới cấp nước; Nghiên cứu kết nối tích hợp thiết bị có tính năng đọc, lưu trữ và truyền số liệu tự động qua công nghệ truyền thông trên hệ thống đồng hồ cơ đầu nguồn đầu tuyến hiện có.

+ Giai đoạn 2018-2019: Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) để xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý hệ thống cấp nước trong toàn Công ty.

### **5.5. Về quản lý.**

- Để đạt được mục tiêu vừa đảm bảo cấp nước, vừa phải đạt được kết quả kinh doanh theo cơ chế thị trường, trước hết Công ty phải sắp xếp bộ máy tổ chức theo mục tiêu kinh doanh mà quan trọng nhất là nâng cao năng lực cấp nước, chống thất thu thất thoát, quản lý mạng lưới, quản lý khách hàng và công tác ghi thu.

- Mọi hoạt động của các phòng ban, bộ phận của Công ty, phải phục vụ công tác sản xuất kinh doanh, quản lý khách hàng, công tác ghi và thu có hiệu quả. Điều này phải được quán triệt đến tất cả cán bộ công nhân viên trong Công ty. Nhân viên quản lý khách hàng, ghi thu là những người bán hàng trực tiếp cần được tuyển chọn và đào tạo thật tốt để có đủ trình độ và phẩm chất làm việc cho Công ty.

- Tiến hành lắp đặt ngay đồng hồ đo lưu lượng nước cấp vào mạng đối với những tuyến chưa được lắp đặt của từng Nhà máy, các Đội trực cấp nước phải có trách nhiệm phân đấu giảm tỷ lệ thất thoát thất thu trên địa bàn của mình.

- Tổ chức tổng kiểm tra cơ bản tất cả các đối tượng dùng nước, phối hợp với các cấp chính quyền địa phương, công an để làm công tác điều tra khách hàng xử lý các vụ vi phạm trong việc dùng nước, cắt bỏ hộ vi phạm sử dụng nước hoặc đấu nối trái phép và xử lý nghiêm.

- Cải thiện mức độ dịch vụ đến với khách hàng. Công ty phải chịu trách nhiệm đến cùng với sản phẩm của mình, trực tiếp giải quyết các tồn tại, vướng mắc đáp ứng kịp thời các đòi hỏi của khách hàng. Đảm bảo sự công bằng giữa người mua và người bán, khách hàng dùng bao nhiêu trả bấy nhiêu.

- Xây dựng chế độ trả lương có sức thu hút cho CBCNV và có quy chế phạt nghiêm khắc đối với những người vi phạm quy định của Công ty.

- Xây dựng mạng lưới thông tin với khách hàng thật tốt nhằm phát hiện các hộ khách hàng sót, trái phép và phát hiện rò rỉ, tiếp nhận các thông tin về cấp nước để kịp thời sửa chữa và thi công đầu mới, làm cơ sở cho khả năng tăng số lượng khách hàng dùng nước.

- Tăng cường công tác kiểm soát, chống thất thoát trên các tuyến, các vùng, kiểm soát các chỉ tiêu sản xuất của các nhà máy tránh tình trạng báo cáo không trung thực làm tăng tỷ lệ thất thoát, thất thu.

#### **5.6. Duy trì và mở rộng thị trường của Công ty.**

- Để đảm bảo tiến trình kinh doanh có hiệu quả, trong thời gian tới Công ty phải quan tâm nghiên cứu mở rộng thị trường; Đảm bảo sản phẩm sản xuất ra phải đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.

- Trên cơ sở duy trì và giữ vững được thị trường hiện tại của mình và mở rộng thị trường tiêu thụ nước sạch trên địa bàn toàn tỉnh, quan tâm cấp nước đến những vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

- Trong việc nghiên cứu thị trường, Công ty cần phải tổ chức thực hiện công tác điều tra khảo sát và thu thập các thông tin về nhu cầu nước sạch vào cả mùa hè và mùa đông. Sau khi tiến hành phân tích và xử lý các thông tin đã thu thập được rồi xác định lượng cầu của thị trường căn cứ vào kết quả của công tác phân tích và xử lý ở trên. Công ty dựa vào kết quả này để ra quyết định hợp lý trong việc sản xuất và cung ứng nước sạch.

- Công ty cần xác lập các mối quan hệ với khách hàng nhằm tăng uy tín của Công ty trên thị trường, tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng thị trường. Phòng Kế hoạch, kỹ thuật, Ban quản lý dự án và Đầu tư, Phòng Quản lý phát triển khách hàng của Công ty bố trí cán bộ chuyên trách để làm công tác nghiên cứu, phân tích thị trường, lập kế hoạch nhu cầu thị trường, làm tham mưu cho Lãnh đạo Công ty.

#### **5.7. Công tác đào tạo.**

Lao động đóng một vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả kinh doanh. Chính vì vậy nâng cao trình độ đội ngũ lao động, đào tạo cán bộ quản lý là một việc rất cần thiết để tạo hiệu quả hoạt động của công ty:

- Công ty phải thường xuyên tạo điều kiện cho người lao động nâng cao trình độ, đóng góp ý kiến, kích thích tinh thần nhằm làm cho người lao động nâng cao được năng suất lao động.

- Đối với đội ngũ cán bộ quản lý, cần phải trang bị hay trang bị lại những kiến thức kinh doanh hiện đại; Công ty sẽ tạo điều kiện cho các cán bộ này tham gia vào các khoá đào tạo bồi dưỡng kiến thức mới, tổ chức tham quan học tập tại các đơn vị bạn để học hỏi kinh nghiệm từ đó làm chủ được các yếu tố bên ngoài của thị trường, hạn chế lãng phí tổn thất do không hiểu biết gây ra.

- Kết hợp đào tạo và tuyển dụng lao động để hình thành một cơ cấu lao động tối ưu, bố trí lao động hợp lý phù hợp với năng lực sở trường nguyện vọng của mỗi người, xác định rõ chức năng, quyền hạn, trách nhiệm và nhiệm vụ. Giảm bớt lượng lao động dư thừa không có năng lực, năng suất hiệu quả thấp.

- Công ty sẽ tiến hành bố trí sắp xếp lại CBCNV trong các phòng ban trên cơ sở xác định mức độ phức tạp của công việc, cải tiến mối quan hệ giữa các phòng ban để đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng các công việc của Công ty để ra quyết định nhanh chóng và chính xác.

- Để tạo động lực cho tập thể và cá nhân, người lao động, Công ty có biện pháp khuyến khích người lao động như: Phân phối lợi nhuận thỏa đáng, bảo đảm công bằng, hợp lý thưởng, phạt công minh. Đặc biệt là có chế độ đãi ngộ đối với những người giỏi, trình độ tay nghề cao, có trách nhiệm trong công việc hay những người có những ý kiến đóng góp cho Công ty trong sản xuất kinh doanh đem lại hiệu quả cao.

### **5.8. Vai trò lãnh đạo của Đảng, sự phối hợp có hiệu quả của các tổ chức đoàn thể:**

Trước những khó khăn chung của doanh nghiệp hiện nay, để đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững của Công ty; Đảng ủy Công ty cần nắm vững và vận dụng tốt chức năng, nhiệm vụ, cơ chế hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng trong doanh nghiệp; trên cơ sở đó xây dựng quy chế hoạt động, phối hợp với lãnh đạo Công ty, nhằm kịp thời giải quyết, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về hoạt động chính trị và sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; tạo sự đồng thuận, thống nhất trong chỉ đạo cũng như thực hiện các nhiệm vụ, giữ gìn khối đoàn kết, thống nhất trong tập thể Cấp ủy, trong Công ty. Định hướng cho Công ty phát triển bền vững; coi trọng công tác quản lý, tiết kiệm chi phí, duy trì ổn định sản xuất kinh doanh; chủ động thay đổi cơ cấu sản xuất, quy mô phù hợp với Công ty, tập trung đẩy mạnh sản xuất kinh doanh.

Cấp ủy Đảng cần làm tốt hơn vai trò lãnh đạo, phối hợp với lãnh đạo Công ty thực hiện chủ trương, định hướng trong chiến lược và quy hoạch tổng thể về nhiệm vụ

sản xuất kinh doanh; về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp lớn trong kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty.

Củng cố các tổ chức đoàn thể, phát huy vai trò của các đoàn thể, thông qua các đoàn thể để giáo dục người lao động tự làm chủ trong SXKD.

#### **IV. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần.**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 26/11/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Công ty đã tiến hành xây dựng Điều lệ Công ty cổ phần cấp nước Điện Biên (Có dự thảo điều lệ kèm theo).

#### **V. Các đề xuất kiến nghị.**

1. Hiện nay doanh nghiệp đang áp dụng chế độ hạch toán lấy thu bù chi trên cơ sở giá do UBND Tỉnh ban hành; Đề nghị UBND tỉnh và các ngành chức năng xem xét, có chính sách trợ giá, cấp bù cho khoản chênh lệch do giá bán nước thấp hơn giá thành sản xuất, vì khi chuyển sang công ty cổ phần, có sự tham gia góp vốn của các cổ đông là các tổ chức, cá nhân ngoài nhà nước, thì doanh nghiệp phải tính đến hiệu quả do hoạt động sản xuất, kinh doanh mang lại.

2. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đồng bộ các văn bản pháp quy đối với ngành cung cấp nước sạch. Những văn bản này sẽ được sử dụng làm căn cứ để quản lý doanh nghiệp và các hộ tiêu dùng cũng như để xử lý các tranh chấp xảy ra. Có chính sách ưu đãi tạo vốn ban đầu (về nguồn vốn, lãi suất).

3. Đề nghị UBND tỉnh ban hành lộ trình biểu giá nước sạch đến năm 2020 và được tính đúng, tính đủ, các khoản chi phí trong giá thành. Trong trường hợp giá tiêu thụ nước sạch được UBND Tỉnh quyết định thấp hơn giá thành (Giá nước tính đúng, tính đủ) thì đơn vị phải được cấp bù phần chênh lệch.

4. Đề nghị UBND tỉnh giao cho Chủ tịch kiêm giám đốc Công ty TNHH Xây dựng cấp nước Điện Biên là người đại diện phần vốn của nhà nước tại Công ty cổ phần Cấp nước Điện Biên và tham gia làm chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

5. Đề nghị các tổ chức chính quyền địa phương, đoàn thể có trách nhiệm cùng Công ty tham gia quản lý hệ thống mạng lưới đường nước trên từng địa bàn.

### **PHẦN VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Sau khi được UBND tỉnh phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH Cấp nước Điện Biên thành công ty cổ phần, Công ty dự kiến triển khai thực hiện Phương án theo lịch trình như sau:



TT	Nội dung công việc	T.gian T.hiện
1	Xem xét, trình UBND tỉnh phê duyệt Tổ chức bán đấu giá CP	05/2015
2	Tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài	06/2015- 07/2015
3	Tổ chức bán cổ phần ưu đãi cho CBCNV	06/2015
4	Báo cáo kết quả bán cổ phần với ban chỉ đạo CPH	07/2015
5	Chuyển tiền thu từ cổ phần hóa về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp theo quy định (nếu còn thừa); báo cáo kết quả thực hiện theo quy định	08/2015
6	Trình UBND tỉnh quyết định cử người làm đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định.	08/2015
7	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất để thông qua Điều lệ, phương án sản xuất kinh doanh, bầu Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	08/2015
8	Hội đồng quản trị bổ nhiệm ban giám đốc, bộ máy điều hành công ty cổ phần.	08/2015
9	Làm thủ tục đăng ký kinh doanh, đăng tải thông tin doanh nghiệp và xin cấp dấu mới cho công ty cổ phần; in sổ chứng nhận sở hữu cổ phần.	08/2015
10	Lập báo cáo tài chính tại thời điểm công ty cổ phần được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu, thực hiện quyết toán thuế, kiểm toán báo cáo tài chính, quyết toán chi phí cổ phần hóa, báo cáo cơ quan quyết định cổ phần hóa.	09/2015
11	Bàn giao danh sách lao động, tài sản, vốn và toàn bộ sổ sách, tài liệu cho Hội đồng quản trị.	09/2015
12	Tổ chức ra mắt Công ty cổ phần	09/2015

Trên đây là phương án cổ phần hoá Công ty TNHH Cấp nước Điện Biên.  
 Để có cơ sở triển khai, thực hiện, Công ty TNHH Cấp nước Điện Biên kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên xem xét, phê duyệt./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
- Sở KH và ĐT tỉnh;
- Sở Tài chính tỉnh;
- Sở Xây dựng tỉnh;
- Sở LĐ-TB và XH tỉnh;
- Sở Nội vụ tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Liên đoàn lao động tỉnh
- Lưu Công ty.

**CHỦ TỊCH CÔNG TY KIỂM GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Lê Quốc*